

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST

Ngày 28/6/2019.

V/v: Ly hôn giữa chị S và anh Q

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Nguyễn Đức Quyết.

2 – Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Quàng Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2019/TLST–HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị LTS, sinh năm 1989. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh LVQ, sinh năm 1981. Có mặt.

Đều trú tại: Bản T, xã PT, huyện ML, tỉnh SL.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL.

Người đại diện hợp pháp: Ông NTT, giám đốc Ngân hàng là người đại diện theo pháp luật. Có đề nghị xử vắng mặt;

Bà LTD, trú tại: Bản T, xã PT, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt;

Anh LV K, trú tại: Bản T, xã PT, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt;

Ông LVH, trú tại: Bản T, xã PT, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt;

Anh LVT, trú tại: Bản T, xã PT, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt;

Bà TTT, trú tại: Tiểu khu 1, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/01/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị LTS trình bày:

Chị và anh LVQ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, năm 14/11/2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Pi Toong, huyện ML, tỉnh SL. Quá trình chung sống, hòa thuận hạnh phúc thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh LVQ chơi cờ bạc và có bạo lực gia đình. Mâu thuẫn đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải nhiều lần, nhưng không khắc phục được. Hai người sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh LVQ.

Về con chung: Có hai con là Lò Thị Thân, sinh ngày 12/11/2009; Lò Văn Tiếng, sinh ngày 08/03/2010, chị xin trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục Lò Thị Thân. Chị không yêu cầu anh LVQ cấp dưỡng nuôi con và cũng tùy vào nguyện vọng của các con.

Về tài sản chung:

Hai vợ chồng đã thỏa thuận chia nhau xong chị LTS lấy 01 ngôi nhà sàn 04 gian tự tháo dỡ, một két sắt, một máy sát thóc; anh LVQ lấy một xe máy. Các tài sản vật dụng khác, vật nuôi đều không còn và không yêu cầu giải quyết.

Diện tích đất vườn là 1160m² được xác nhận quyền sử dụng đất tại bản T, xã PT, huyện ML, tỉnh SL. Diện tích đất ruộng tên xứ đồng Na Hang Nong diện tích là 325,5m² tại bản T, xã PT, huyện ML, tỉnh SL. Chị yêu cầu chia đôi.

Về nợ chung:

Nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL khoản vay theo chương trình hộ nghèo số tiền gốc là 22.000.000, đồng, anh LVQ phải trả nợ cho Ngân hàng.

Nợ bà LTD (mẹ chồng) 800.000, đồng;

Nợ anh LVKem trai chị 1.500.000, đồng;

Nợ ông LVH (bố chị) 5.000.000, đồng;

Nợ anh LVT(em rể anh Quỳnh) 200.000, đồng;

Nợ bà TTT ở tiểu khu 1, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL 1.500.000, đồng.

Chị yêu cầu anh LVQ trả nợ cho Ngân hàng chính sách, còn lại chị trả.

Bị đơn anh LVQ trình bày: Anh xác nhận về quan hệ hôn nhân và công nhận mâu thuẫn vợ chồng như chị LTS trình bày, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và về việc ly hôn anh không nhất trí.

Về con chung: Có hai con là Lò Thị Thân, sinh ngày 12/11/2009; Lò Văn Tiếng, sinh ngày 08/03/2010, anh xin trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả hai con. Anh không yêu cầu chị LTS cấp dưỡng nuôi con và cũng tùy vào nguyện vọng của các con.

Về tài sản chung:

Hai vợ chồng đã thỏa thuận chia nhau xong chị LTS lấy 01 ngôi nhà sàn 04 gian tự tháo dỡ, một két sắt, một máy sát thóc; anh LVQ lấy một xe máy. Các tài sản vật dụng khác, vật nuôi đều không còn và không yêu cầu giải quyết.

Diện tích đất vườn là 1160m² được xác nhận quyền sử dụng đất tại bản T, xã PT, huyện ML, tỉnh SL. Diện tích đất ruộng tên xứ đồng Nà Hang Nong diện tích là 325,5m² tại bản T, xã PT, huyện ML, tỉnh SL. Anh LVQ yêu cầu được sở hữu hết. Anh LVQ trình bày việc mua đất trong thời kỳ hôn nhân, nhưng anh trả tiền mua nhiều hơn chị LTS. Anh LVQ trình bày đất vườn là 1160m² anh đã thuê máy san mặt bằng hết 5.000.000, đồng nếu chị LTS đòi chia đất phải trả cho anh tiền san mặt bằng.

Về nợ chung:

Nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL khoản vay theo chương trình hộ nghèo số tiền gốc là 22.000.000, đồng, anh LVQ nhất trí là người trả nợ cho Ngân hàng, còn lại chị LTS trả nợ cho:

Nợ bà LTD (mẹ chồng) 800.000, đồng;

Nợ anh LVKem trai chị 1.500.000, đồng;

Nợ ông LVH (bố chị) 5.000.000, đồng;

Nợ anh LVT(em rể anh Quỳnh) 200.000, đồng;

Nợ bà TTT ở tiểu khu 1, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL 1.500.000, đồng.

Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL trình bày: Căn cứ sổ vay vốn mã khách hàng 7093176449 tính đến ngày 16/5/2019 anh LVQ còn nợ tiền gốc là 22.000.000, đồng theo chương trình hỗ trợ người nghèo. Nay hai người ly hôn Ngân hàng yêu cầu anh LVQ là người phải trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Bà LTD (mẹ chồng) trình bày: Hai vợ chồng anh LVQ, chị LTS nợ tiền mua thịt trâu với số tiền 800.000, đồng bà yêu cầu phải trả cho bà.

Anh LVKem trai chị LTS trình bày: Khoảng năm 2015 anh cho vợ chồng anh LVQ, chị LTS vay số tiền 1.500.000, đồng anh yêu cầu anh LVQ, chị LTS phải trả anh, anh không tính lãi.

Ông LVH bố chị LTS trình bày: Cuối năm 2010 đầu năm 2011 cho vợ chồng anh LVQ, chị LTS vay số tiền 5.000.000, đồng, do lúc đó anh LVQ bị tai

nạn, nay hai người ly hôn yêu cầu anh LVQ, chị LTS phải trả ông và không tính lãi.

Anh LVT(anh rể anh LVQ) trình bày: Vợ chồng anh LVQ, chị LTS nợ tiền thịt trâu 200.000, đồng. Nay hai người ly hôn yêu cầu anh LVQ, chị LTS phải trả số tiền gốc 200.000, đồng.

Bà TTT trình bày: Năm 2015 hai vợ chồng anh LVQ, chị LTS mua hàng của gia đình bà số tiền hiện nay nợ là 1.500.000, đồng. Nay hai người ly hôn yêu cầu anh LVQ, chị LTS phải trả số tiền 1.500.000, đồng và không tính lãi.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 62, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Có căn cứ để xử cho chị LTS được ly hôn anh LVQ;

Về con chung: Căn cứ vào nguyện vọng của các cháu cần giao cho chị LTS trực tiếp nuôi cháu Lò Thị Thân, sinh ngày 12/11/2009; giao cho anh LVQ trực tiếp nuôi cháu Lò Văn Tiếng, sinh ngày 08/03/2010 và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản riêng: Điều không có.

Về tài sản chung:

Chấp nhận các đương sự đã phân chia tài sản xong như sau: Chị LTS lấy 01 ngôi nhà sàn 04 gian tự tháo dỡ, một két sắt, một máy sát thóc; anh LVQ lấy một xe máy. Các tài sản vật dụng khác, vật nuôi đều không còn và không yêu cầu giải quyết.

Diện tích đất vườn là 1160m² được xác nhận quyền sử dụng đất tại bản T, xã PT, huyện ML, tỉnh SL được chia:

Chị LTS được sử dụng diện tích 580m², các phía tiếp giáp: Phía giáp đất anh Cà Văn Vinh 116m; Phía giáp đất anh LVQ 116m; phía trước giáp mặt đường dân sinh 5m; phía sau giáp đất rừng ma 5m.

Anh LVQ được sử dụng diện tích 580m², các phía tiếp giáp: Phía giáp đất chị LTS 116m; Phía giáp đất anh Cà Văn Tiến 116m; phía trước giáp mặt đường dân sinh 5m; phía sau giáp đất rừng ma 5m.

Diện tích 325,5m² đất ruộng tên xứ đồng “Nà Hang Nong” tại bản T, xã PT, huyện ML, tỉnh SL được chia:

Chị LTS được sử dụng diện tích 162,75m², các phía tiếp giáp: Phía giáp đất ruộng anh LVQ 15,50m; Phía giáp đất ruộng anh Lò Văn Dưới 15,50m; Phía

giáp đất ruộng anh Lò Văn Mạnh 10,5m; Phía giáp đất ruộng anh Vì Văn Biển 10,5m.

Anh LVQ được sử dụng diện tích 162,75m², các phía tiếp giáp: Phía giáp đất ruộng chị LTS 15,50m; Phía giáp đất ruộng anh Lò Văn Phong 15,50m (phía suối); Phía giáp đất ruộng anh Lò Văn Mạnh 10,5m; Phía giáp đất ruộng anh Vì Văn Biển 10,5m.

Về nợ chung: Chị LTS có trách nhiệm trả nợ cho: Bà LTD (mẹ chồng) 800.000, đồng; anh LVK 1.500.000, đồng; ông LVH 5.000.000, đồng; anh LVT 200.000, đồng; bà TTT 1.500.000, đồng.

Chị LTS có trách nhiệm thanh toán trả cho anh LVQ 2.500,000, đồng tiền san mặt bằng thửa đất.

Anh LVQ có trách nhiệm trả nợ cho: Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL khoản vay theo chương trình hộ nghèo số tiền gốc là 22.000.000, đồng và lãi phát sinh theo sổ vay vốn mã khách hàng 7093176449.

Về án phí:

Chị LTS phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng. Căn cứ đơn xin miễn án phí chia tài sản của đương sự có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Pi Toong, huyện ML gia đình chị LTS và anh LVQ thuộc hộ nghèo, cần miễn án phí chia tài sản cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà LTD, anh Lò Văn Khởi, anh Lò Văn Tính, bà TTT, Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL đều đã nhận tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và họ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt họ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị LTS và anh LVQ có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hòa thuận hạnh phúc được thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh LVQ chơi cờ bạc và có bạo lực gia đình. Mâu thuẫn đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải nhiều lần, nhưng không khắc phục được. Hai người sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị LTS và anh LVQ đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị LTS yêu cầu được ly

hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị LTS được ly hôn anh LVQ.

[3] Về con chung: Căn cứ vào nguyện vọng của các cháu cần giao cho chị LTS trực tiếp nuôi cháu Lò Thị Thần, sinh ngày 12/11/2009; giao cho anh LVQ trực tiếp nuôi cháu Lò Văn Tiếng, sinh ngày 08/03/2010 và không ai phải cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung căn cứ Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình:

Chấp nhận các đương sự đã phân chia tài sản xong như sau: Chị LTS lấy 01 ngôi nhà sàn 04 gian tự tháo dỡ, một két sắt, một máy sát thóc; anh LVQ lấy một xe máy. Các tài sản vật dụng khác, vật nuôi đều không còn và không yêu cầu giải quyết.

Do chị LTS và anh LVQ đều có nguyện vọng và yêu cầu được chia đất, việc anh LVQ yêu cầu được lấy hết đất là không hợp tình, hợp lý và không có căn cứ chấp nhận vì việc mua đất là do hai vợ chồng cùng mua trong thời kỳ hôn nhân, do đó cần phân chia như sau:

Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và xác minh nguồn gốc đất của Ủy ban nhân xã Pi Toong, huyện ML, tỉnh SL xác định:

Diện tích đất vườn là 1160m² được xác nhận quyền sử dụng đất tại bản T, xã PT, huyện ML, tỉnh SL; diện tích là 325,5m² đất ruộng tên xứ đồng “Nà Hang Nong” tại bản T, xã PT, huyện ML, tỉnh SL.

Diện tích đất vườn là 1160m² được chia:

Chị LTS được sử dụng diện tích 580m², các phía tiếp giáp: Phía giáp đất anh Cà Văn Vinh 116m; Phía giáp đất anh LVQ 116m; phía trước giáp mặt đường dân sinh 5m; phía sau giáp đất rừng ma 5m.

Anh LVQ được sử dụng diện tích 580m², các phía tiếp giáp: Phía giáp đất chị LTS 116m; Phía giáp đất anh Cà Văn Tiến 116m; phía trước giáp mặt đường dân sinh 5m; phía sau giáp đất rừng ma 5m.

Diện tích là 325,5m² đất ruộng tên xứ đồng “Nà Hang Nong” được chia:

Chị LTS được sử dụng diện tích 162,75m², các phía tiếp giáp: Phía giáp đất ruộng anh LVQ 15,50m; Phía giáp đất ruộng anh Lò Văn Dươi 15,50m; Phía giáp đất ruộng anh Lò Văn Mạnh 10,5m; Phía giáp đất ruộng anh Vì Văn Biển 10,5m.

Anh LVQ được sử dụng diện tích 162,75m², các phía tiếp giáp: Phía giáp đất ruộng chị LTS 15,50m; Phía giáp đất ruộng anh Lò Văn Phong 15,50m (phía suối); Phía giáp đất ruộng anh Lò Văn Mạnh 10,5m; Phía giáp đất ruộng anh Vì Văn Biển 10,5m.

Anh LVQ đã thuê san mặt bằng thửa đất là 5.000.000, đồng cần chấp nhận yêu cầu chị LTS phải thanh toán trả cho anh LVQ 2.500,000, đồng tiền san mặt bằng thửa đất.

Về tài sản riêng: Điều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung:

Chị LTS có trách nhiệm trả nợ cho:

Bà LTD (mẹ chồng) 800.000, đồng;

Anh LVKem trai chị 1.500.000, đồng;

Ông LVH (bố chị) 5.000.000, đồng;

Anh LVT(anh rể anh Quỳnh) 200.000, đồng;

Bà TTT ở tiểu khu 1, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL 1.500.000, đồng.

Anh LVQ có trách nhiệm trả nợ cho:

Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL khoản vay theo chương trình hộ nghèo số tiền gốc là 22.000.000, đồng và lãi phát sinh.

[6] Chị LTS phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ đơn xin miễn án phí chia tài sản của đương sự có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Pi Toong, huyện ML gia đình chị LTS và anh LVQ thuộc hộ nghèo, cần miễn án phí chia tài sản cho các đương sự theo quy định của điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 62, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị LTS được ly hôn anh LVQ.

2. Về con chung:

Giao cho chị LTS trực tiếp nuôi cháu Lò Thị Thân, sinh ngày 12/11/2009; giao cho anh LVQ trực tiếp nuôi cháu Lò Văn Tiếng, sinh ngày 08/03/2010 và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản riêng: Điều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung:

Chấp nhận các đương sự đã phân chia tài sản xong như sau: Chị LTS lấy 01 ngôi nhà sàn 04 gian tự tháo dỡ, một két sắt, một máy sát thóc; anh LVQ lấy một xe máy. Các tài sản vật dụng khác, vật nuôi đều không còn và không yêu cầu giải quyết.

Diện tích đất vườn là 1160m² được xác nhận quyền sử dụng đất tại bản T, xã PT, huyện ML, tỉnh SL được chia:

Chị LTS được sử dụng diện tích 580m², các phía tiếp giáp: Phía giáp đất anh Cà Văn Vinh 116m; Phía giáp đất anh LVQ 116m; phía trước giáp mặt đường dân sinh 5m; phía sau giáp đất rừng ma 5m.

Anh LVQ được sử dụng diện tích 580m², các phía tiếp giáp: Phía giáp đất chị LTS 116m; Phía giáp đất anh Cà Văn Tiễn 116m; phía trước giáp mặt đường dân sinh 5m; phía sau giáp đất rừng ma 5m.

Diện tích 325,5m² đất ruộng tên xứ đồng “Nà Hang Nong” tại bản T, xã PT, huyện ML, tỉnh SL được chia:

Chị LTS được sử dụng diện tích 162,75m², các phía tiếp giáp: Phía giáp đất ruộng anh LVQ 15,50m; Phía giáp đất ruộng anh Lò Văn Dươi 15,50m; Phía giáp đất ruộng anh Lò Văn Mạnh 10,5m; Phía giáp đất ruộng anh Vì Văn Biển 10,5m.

Anh LVQ được sử dụng diện tích 162,75m², các phía tiếp giáp: Phía giáp đất ruộng chị LTS 15,50m; Phía giáp đất ruộng anh Lò Văn Phong 15,50m (phía suối); Phía giáp đất ruộng anh Lò Văn Mạnh 10,5m; Phía giáp đất ruộng anh Vì Văn Biển 10,5m.

5. Về nợ chung:

Chị LTS có trách nhiệm trả nợ cho:

Bà LTD 800.000, đồng (tám trăm nghìn đồng);

Anh LVK 1.500.000, đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng);

Ông LVH 5.000.000, đồng (năm triệu đồng);

Anh LVT 200.000, đồng (hai trăm nghìn đồng);

Bà TTT 1.500.000, đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Chị LTS có trách nhiệm thanh toán trả cho anh LVQ 2.500.000, đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền san mặt bằng thửa đất.

Anh LVQ có trách nhiệm trả nợ cho:

Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL khoản vay theo chương trình hộ nghèo số tiền gốc là 22.000.000, đồng (hai mươi hai triệu đồng) và lãi phát sinh theo sổ vay vốn mã khách hàng 7093176449.

6. Về án phí:

Chị LTS phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000857 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Miễn án phí chia tài sản cho chị LTS và anh LVQ.

Nguyên đơn chị LTS, bị đơn anh LVQ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông LVH được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 28/6/2019.

Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL; bà LTD; anh Lò Văn Khởi; anh Lò Văn Tính; bà TTT được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND xã Pi Toong, huyện ML (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (7);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Tuấn